

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Hà Nội, tháng 03 năm 2016



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 24

025
CỔ
T
KIỂM
V
3/1/11

1
M.S
TX

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro miền Trung (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Tiến Lãng	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Bà Nguyễn Thị Bích Thùy	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Thanh Trang	Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc

Bà Nguyễn Thị Bích Thùy	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Tiến Lãng	Phó Tổng Giám đốc điều hành
Ông Nguyễn Văn Sỹ	Phó Tổng Giám đốc nhân sự
Bà Nguyễn Thị Linh Thường	Phó Tổng Giám đốc tài chính
Bà Ngô Thị Sạch	Phó Tổng Giám đốc kinh doanh


TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc, 



Nguyễn Thị Bích Thùy
Tổng Giám đốc

Quảng Nam, ngày 07 tháng 11 năm 2016



Số: 326 /VACO/BCKT.NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro miền Trung

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro miền Trung (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 07/11/2016, từ trang 03 đến trang 24, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là "Báo cáo tài chính").

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc số liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Bùi Ngọc Bình
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 0657-2015-156-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 07 tháng 11 năm 2016

Văn phòng Hồ Chí Minh
Lầu 6, số 159 Điện Biên Phủ
P.15, Q. Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: (84-8) 3840 6618/ Fax: (84-8) 3840 6616

Bùi Thị Phương
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 2369-2013-156-1

Văn phòng Hải Phòng
499 Quán Toan, P. Quán Toan
Q. Hồng Bàng, Tp. Hải Phòng
Tel: (84-31) 353 4655/ Fax: (84-31) 353 4316

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU B 01-DN
 Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		94.548.970.866	323.008.590.679
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	7.642.615.537	3.285.825.388
1. Tiền	111		7.642.615.537	3.285.825.388
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		74.663.162.987	311.206.744.625
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	60.157.808.695	307.896.642.275
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	1.090.254.116	210.000.050
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	13.415.100.176	3.100.102.300
III. Hàng tồn kho	140	9	11.676.590.630	5.992.879.490
1. Hàng tồn kho	141		12.329.349.281	5.992.879.490
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(652.758.651)	-
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		566.601.712	2.523.141.176
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	381.518.990	124.657.801
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		111.302.833	2.398.483.375
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16	73.779.889	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		316.332.288.160	244.220.949.588
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		11.596.600.000	55.893.620.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	8	11.596.600.000	55.893.620.000
II. Tài sản cố định	220		24.730.240.911	17.676.715.462
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	23.518.119.693	17.676.715.462
- Nguyên giá	222		37.312.101.187	29.593.473.813
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(13.793.981.494)	(11.916.758.351)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	1.212.121.218	-
- Nguyên giá	228		1.818.181.818	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(606.060.600)	-
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	416.164.959
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	416.164.959
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	13	178.291.315.974	130.000.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		130.000.000.000	130.000.000.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.198.684.026)	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		49.490.000.000	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		101.714.131.275	40.234.449.167
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	101.714.131.275	40.234.449.167
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		410.881.259.026	567.229.540.267

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU B 01-DN
 Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		220.332.562.792	386.939.410.538
I. Nợ ngắn hạn	310		181.367.461.091	339.717.719.871
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	84.694.294.478	154.174.891.799
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	15	8.702.897.903	259.188.472
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	1.505.767.306	231.124.925
4. Phải trả ngắn hạn khác	319	17	302.518.475	109.352.514.675
5. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	18	86.161.982.929	75.700.000.000
II. Nợ dài hạn	330		38.965.101.701	47.221.690.667
1. Phải trả dài hạn khác	337	17	38.965.101.701	47.221.690.667
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		190.548.696.234	180.290.129.729
I. Vốn chủ sở hữu	410	19	190.548.696.234	180.290.129.729
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		180.000.000.000	180.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		180.000.000.000	180.000.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		10.548.696.234	290.129.729
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		290.129.729	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		10.258.566.505	290.129.729
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		410.881.259.026	567.229.540.267



Hồ Thị Như Quỳnh
 Người lập
 Quảng Nam, ngày 07 tháng 11 năm 2016



Nguyễn Thị Linh Thường
 Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Bích Thùy
 Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

MẪU B 02-DN
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		372.977.414.846	535.015.164.298
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		5.655.882.036	3.849.600.000
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	20	367.321.532.810	531.165.564.298
4. Giá vốn hàng bán	11	21	330.196.108.253	514.802.612.363
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		37.125.424.557	16.362.951.935
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	2.038.996.451	55.442.164
7. Chi phí tài chính	22	24	7.294.733.215	13.058.419.140
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		6.096.049.189	13.058.419.140
8. Chi phí bán hàng	25	25	16.937.077.081	9.480.985.062
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	4.713.849.689	4.541.583.634
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		10.218.761.023	(10.662.593.737)
11. Thu nhập khác	31		1.580.551.188	11.796.261.376
12. Chi phí khác	32		53.240.892	258.096.396
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40	26	1.527.310.296	11.538.164.980
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		11.746.071.319	875.571.243
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	1.487.504.814	195.711.839
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		10.258.566.505	679.859.404

Hồ Thị Như Quỳnh
 Người lập
 Quảng Nam, ngày 07 tháng 11 năm 2016

Nguyễn Thị Linh Thường
 Kế toán trưởng




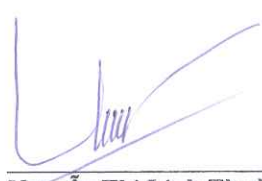
Nguyễn Thị Bích Thùy
 Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

MẪU B 03-DN
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2015	Năm 2014
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	1	11.746.071.319	875.571.243
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	2	2.538.839.297	3.020.859.506
Các khoản dự phòng	3	1.851.442.677	
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	5	(2.021.824.732)	83.194.207
Chi phí lãi vay	6	6.096.049.189	8.968.073.599
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8	20.210.577.750	12.947.698.555
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	9	240.766.415.167	(1.814.900.406)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(6.336.469.791)	29.671.411.216
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(170.254.330.298)	118.289.093.032
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(61.736.543.297)	(23.005.724.082)
Tiền lãi vay đã trả	13	(6.096.049.189)	(8.968.073.599)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(45.416.225)	(553.127.782)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	36.040.431.034	8.432.360.667
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(5.611.620.381)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	52.548.615.151	129.387.117.220
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(9.302.462.415)	(1.203.570.599)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	109.090.909	100.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(49.490.000.000)	-
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(130.000.000.000)
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	29.563.575	55.442.164
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(58.653.807.931)	(131.048.128.435)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	-	130.000.000.000
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	318.863.031.496	323.379.893.592
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(308.401.048.567)	(467.259.893.592)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	10.461.982.929	(13.880.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	4.356.790.149	(15.541.011.215)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	3.285.825.388	18.826.836.603
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	7.642.615.537	3.285.825.388


 Hồ Thị Như Quỳnh
 Người lập
 Quảng Nam, ngày 07 tháng 11 năm 2016


 Nguyễn Thị Linh Thường
 Kế toán trưởng


 Nguyễn Thị Bích Thùy
 Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro miền Trung là Công ty cổ phần được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp Giấy chứng nhận kinh doanh lần đầu số 4000462724 ngày 09/05/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 15/05/2015. Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 180.000.000.000 VND.

Địa chỉ tại Lô 4, KCN Điện Nam - Điện Ngọc, P. Điện Nam Bắc, TX Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2015 là 59 người (tại ngày 01/01/2015 là 48 người).

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị trực thuộc	Địa bàn	Ngành nghề kinh doanh
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung tại Đà Lạt	Tỉnh Lâm Đồng	Khí hóa lỏng
Công ty CP Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung - Chi nhánh Vũng Tàu	Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu	Khí hóa lỏng
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung	Tỉnh Quảng Trị	Khí hóa lỏng
Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung - Chi nhánh Bình Định	Tỉnh Bình Định	Khí hóa lỏng
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung (tỉnh Quảng Nam)	Tỉnh Quảng Nam	Khí hóa lỏng
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung tại Thừa Thiên Huế	Tỉnh Thừa Thiên Huế	Khí hóa lỏng

Công ty có một công ty con duy nhất là Công ty Cổ phần Dầu khí V-Gas (chi tiết theo thuyết minh số 14).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
Chi tiết: Kinh doanh, xuất nhập khẩu khí đốt hóa lỏng LPG (bao gồm bán LPG cho xe bồn, xe ô tô, xe máy, LPG chai lớn và chai nhỏ), CNG, xăng, dầu, dầu nhờn, chi tiết nạp gas chai lớn, chai mini, xe ô tô và xe bồn. Kinh doanh vỏ bình gas, bếp gas và các phụ kiện liên quan;
- Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Sản xuất sản phẩm từ plastic;
- Chế biến bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản;
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu;
- Bán buôn đồ uống;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Đại lý, môi giới, đấu giá;
- Cho thuê máy móc thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Tổng Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Tuy nhiên, việc áp dụng Thông tư 200 không có ảnh hưởng trọng yếu đến tính so sánh của các số liệu trên báo cáo tài chính.

Các bên liên quan

Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Công ty con bao gồm: Công ty Cổ phần Dầu khí V-Gas;
- Các công ty có cùng cổ đông góp vốn bao gồm: Công ty TNHH Gas miền Trung và Công ty TNHH Trung Nam;
- Công ty có cùng thành viên quản lý: Công ty TNHH SCT Gas Việt Nam;
- Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thống lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Tổng Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)*****Các khoản cho vay***

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành.

Các khoản đầu tư vào công ty con, góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết***Đầu tư vào công ty con***

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp", Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành.

Nợ phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃU B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Thời gian khấu hao (Số năm)
Nhà xưởng và vật kiến trúc	10 - 25
Máy móc thiết bị	10 - 20
Phương tiện vận tải	05 - 15
Thiết bị quản lý	03 - 08
Cây lâu năm	15

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình là thương hiệu sản phẩm, tài sản được khấu hao trong 3 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí trả trước

Các khoản chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, các chi phí sửa chữa tài sản. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh là số vốn thực góp của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế được phân phối và các quỹ được trích lập theo quyết định của đại hội đồng cổ đông và điều lệ Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản phương pháp dựa trên bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả kinh doanh và chỉ được ghi vào vốn chủ sở hữu nếu liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế (Tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Tiền mặt	6.949.475.725	2.704.792.549
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	693.139.812	581.032.839
Cộng	<u>7.642.615.537</u>	<u>3.285.825.388</u>

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	60.157.808.695	307.896.642.275
Công ty CP Đồng Tâm Miền Trung	704.718.561	2.023.286.684
Công ty TNHH SCT Gas Việt Nam	52.275.113.585	300.054.298.558
Công ty TNHH SCT Gas VNam - CN KCN Phú Mỹ I	509.377.000	1.659.377.000
Công ty TNHH SCT Gas VNam - CN Vũng Tàu	15.600.000	15.600.000
DNTN Tân Nhà Việt	1.997.872.251	1.077.569.251
Công ty CP Dầu khí V-Gas - CN Đức Trọng	351.223.661	-
Công ty TNHH Dầu Khí Xanh	696.126.461	-
Công ty TNHH Trung Hiếu	2.387.574.464	1.761.831.714
Đối tượng khác	1.220.202.712	1.304.679.068
b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	53.151.314.246	301.729.275.558
Công ty TNHH SCT Gas Việt Nam	52.275.113.585	300.054.298.558
Công ty TNHH SCT Gas VNam - CN KCN Phú Mỹ I	509.377.000	1.659.377.000
Công ty TNHH SCT Gas VNam - CN Vũng Tàu	15.600.000	15.600.000
Công ty CP Dầu khí V-Gas - CN Đức Trọng	351.223.661	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNGLô 4, KCN Điện Nam - Điện Ngọc, P. Điện Nam Bắc, TX Điện Bàn,
Tỉnh Quảng Nam**Báo cáo tài chính**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
a) Trả trước cho người bán ngắn hạn	1.090.254.116	210.000.050
Văn phòng Luật Sư Hoàng Như Vĩnh	-	200.000.000
Cty TNHH Trung Tâm Gia Công Posco VN	821.700.000	-
Trả trước cho các đối tượng khác	268.554.116	10.000.050

8. PHẢI THU KHÁC

	<u>31/12/2015</u>		<u>01/01/2015</u>	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn	13.415.100.176	-	3.100.102.300	-
- Kí quỹ, ký cược ngắn hạn	72.065.000	-	100.000.000	-
- Tạm ứng	6.700.000.000	-	-	-
- Phải thu khác	6.643.035.176	-	3.000.102.300	-
Tiền cược vô bình phải thu	4.633.500.000	-	3.000.000.000	-
Lãi cho vay dự thu	2.009.432.876	-	-	-
Các đối tượng khác	102.300	-	102.300	-
b) Dài hạn	11.596.600.000	-	55.893.620.000	-
- Ký cược, ký quỹ	11.596.600.000	-	55.893.620.000	-
Cty TNHH Petronas	10.745.000.000	-	10.745.000.000	-
Cty TNHH SCT Gas Việt Nam	-	-	36.199.060.000	-
Cty TNHH Gas Miền Trung	851.600.000	-	-	-
Cty CP ĐT&SX Petro Miền Trung	-	-	8.949.560.000	-

9. HÀNG TỒN KHO

	<u>31/12/2015</u>		<u>01/01/2015</u>	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	2.158.387.620	-	2.186.846.105	-
Hàng hóa	10.170.961.661	652.758.651	3.806.033.385	-
Cộng	12.329.349.281	652.758.651	5.992.879.490	-

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn	381.518.990	124.657.801
Phân bổ công cụ, dụng cụ (dưới 1 năm)	339.495.636	94.312.500
Phí bảo hiểm	42.023.354	30.345.301
b) Dài hạn	101.714.131.275	40.234.449.167
Phân bổ công cụ, dụng cụ (trên 1 năm)	70.912.270.187	27.707.000.930
Chi phí mua thương hiệu	25.151.515.152	10.909.090.909
Chi phí kiểm định, sơn sửa bình	5.640.429.572	1.108.000.000
Chi phí trả trước dài hạn khác	9.916.364	510.357.328

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Tài sản cố định hữu hình khác VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2015	7.357.997.773	20.670.023.302	1.257.759.803	265.237.935	42.455.000	29.593.473.813
Tăng do mua sắm mới	-	521.911.818	4.078.272.727	289.493.636	-	4.889.678.181
Xây dựng cơ bản hoàn thành	3.010.767.375	-	-	-	-	3.010.767.375
Giảm do thanh lý, nhượng bán	-	-	(181.818.182)	-	-	(181.818.182)
Tại ngày 31/12/2015	10.368.765.148	21.191.935.120	5.154.214.348	554.731.571	42.455.000	37.312.101.187
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2015	2.469.837.766	9.014.944.964	310.491.352	102.143.665	19.340.604	11.916.758.351
Khấu hao trong năm	494.237.078	1.098.533.286	292.073.647	45.104.354	2.830.332	1.932.778.697
Giảm do thanh lý, nhượng bán	-	-	(55.555.554)	-	-	(55.555.554)
Tại ngày 31/12/2015	2.964.074.844	10.113.478.250	547.009.445	147.248.019	22.170.936	13.793.981.494
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 01/01/2015	4.888.160.007	11.655.078.338	947.268.451	163.094.270	23.114.396	17.676.715.462
Tại ngày 31/12/2015	7.404.690.304	11.078.456.870	4.607.204.903	407.483.552	20.284.064	23.518.119.693

Nguyên giá tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2015 là 556.623.416 VND (tại ngày 01/01/2015 là 125.063.416 VND).

Theo thuyết minh số 14, Công ty đang thực hiện thế chấp tài sản để đảm bảo cho các khoản vay. Nguyên giá và giá trị còn lại của tài sản thế chấp tại ngày 31/12/2015 lần lượt là 24.114.958.281 VND và 6.016.977.668 VND (tại ngày 01/01/2015 lần lượt là 24.114.958.281 VND và 6.735.510.860 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNGLô 4, KCN Điện Nam - Điện Ngọc, P. Điện Nam Bắc, TX Điện Bàn,
Tỉnh Quảng Nam**Báo cáo tài chính**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Nhân hiệu hàng hóa	
	VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày 01/01/2015	-	-
Điều chỉnh tài sản vô hình	1.818.181.818	1.818.181.818
Tại ngày 31/12/2015	1.818.181.818	1.818.181.818
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Tại ngày 01/01/2015	-	-
Khấu hao trong năm	606.060.600	606.060.600
Tại ngày 31/12/2015	606.060.600	606.060.600
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2015	-	-
Tại ngày 31/12/2015	1.212.121.218	1.212.121.218

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
a1) Dài hạn	49.490.000.000	49.490.000.000	-	-
Ông Nguyễn Tiến Lãng và Bà Nguyễn Thị Bích Thủy (i)	49.490.000.000	49.490.000.000	-	-
a2) Các bên liên quan	49.490.000.000	49.490.000.000	-	-
Ông Nguyễn Tiến Lãng và Bà Nguyễn Thị Bích Thủy (i)	49.490.000.000	49.490.000.000	-	-

Ghi chú: (i) Khoản đầu tư theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/HTDT/2015 ngày 20/12/2015 giữa Công ty (Bên A) và vợ chồng ông Nguyễn Tiến Lãng và bà Nguyễn Thị Bích Thủy (Bên B). Mục đích là đầu tư bất động sản tại số 580 Điện Biên Phủ, tổ 14, phường Thanh Khê Đông, quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng với diện tích 373,2 m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất H10898 thuộc quyền sở hữu của Bên B. Tổng vốn đầu tư là 51.000.000.000 VND, trong đó Bên A góp 49.490.000.000 VND, Bên B góp 1.510.000.000 VND. Tài sản đảm bảo cho hợp đồng hợp tác đầu tư chính bằng bất động sản đầu tư thuộc sở hữu của Bên B. Thời gian hợp tác là 36 tháng kể từ ngày ký kết hợp đồng. Phân chia lợi nhuận: Trong mọi trường hợp và không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của Bên B, Bên A sẽ được chia lợi nhuận theo tỷ suất 8,5%/360 ngày, tính theo số ngày thực tế hợp tác đầu tư, tỷ suất này có thể thay đổi căn cứ vào các phụ lục hợp đồng kèm theo (nếu có).

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đây là khoản đầu tư vào công ty con - Công ty Cổ phần Dầu khí V-Gas với giá trị 130.000.000.000 VND. Tỷ lệ quyền biểu quyết bằng với tỷ lệ sở hữu và bằng 86,67%. Hoạt động kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Dầu khí V-Gas là kinh doanh khí gas hóa lỏng, sản xuất vô bình gas.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNGLô 4, KCN Điện Nam - Điện Ngọc, P. Điện Nam Bắc, TX Điện Bàn,
Tỉnh Quảng Nam**Báo cáo tài chính**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán ngắn hạn	84.694.294.478	84.694.294.478	154.174.891.799	154.174.891.799
Công ty TNHH Gas Miền Trung	45.493.585.540	45.493.585.540	81.743.259.331	81.743.259.331
Nhà Máy Bình Khí Dầu Khí Việt Nam	-	-	8.715.270.000	8.715.270.000
Công Ty TNHH MTV Kinh Doanh Khí Hóa Lòng Miền Đông	33.495.996.114	33.495.996.114	52.795.004.008	52.795.004.008
CN Tổng CTKVN Công ty TNHH MTV KD Sản Phẩm Khí	3.295.366.110	3.295.366.110	8.500.217.495	8.500.217.495
Phải trả cho các đối tượng khác	2.409.346.714	2.409.346.714	2.421.140.965	2.421.140.965
b) Phải trả người bán là bên liên quan	45.493.585.540	45.531.997.540	81.743.259.331	83.847.724.181
Công ty TNHH Gas Miền Trung	45.493.585.540	45.493.585.540	81.743.259.331	81.743.259.331
Công ty Cổ phần Dầu khí V-GAS	-	38.412.000	-	2.104.464.850

15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
a) Người mua trả tiền trước ngắn hạn	8.702.897.903	259.188.472
Công ty CP dầu khí Vgas	7.236.559.993	-
Công TNHH MTV kinh doanh Vinh Quang	1.399.391.000	-
Đối tượng khác	66.946.910	259.188.472
b) Người mua trả tiền trước là bên liên quan	7.236.559.993	-
Công ty CP dầu khí Vgas	7.236.559.993	-

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP/PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	01/01/2015	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2015
	VND	VND	VND	VND
a) Phải nộp	231.124.925	4.040.165.558	2.765.523.177	1.505.767.306
Thuế giá trị gia tăng	12.032.852	2.547.660.744	2.534.377.252	25.316.344
Thuế thu nhập doanh nghiệp	38.362.373	1.487.504.814	45.416.225	1.480.450.962
Thuế thu nhập cá nhân	180.729.700	-	180.729.700	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	5.000.000	5.000.000	-
b) Phải thu	-	-	73.779.889	73.779.889
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	73.779.889	73.779.889

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG

Lô 4, KCN Điện Nam - Điện Ngọc, P. Điện Nam Bắc, TX Điện Bàn,
Tỉnh Quảng Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

17. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Cho vay cá nhân không tính lãi	-	109.050.000.000
Các khoản phải trả khác	302.518.475	302.514.675
Cộng	<u>302.518.475</u>	<u>109.352.514.675</u>
b) Dài hạn		
Nhận ký cược ký quỹ dài hạn	38.965.101.701	47.221.690.667
Cộng	<u>38.965.101.701</u>	<u>47.221.690.667</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	31/12/2015		Trong năm		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giảm	Tăng	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn ngân hàng	86.161.982.929	86.161.982.929	308.401.048.567	318.863.031.496	75.700.000.000	75.700.000.000
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN - Chi nhánh Quảng Nam (i)</i>	16.400.000.000	16.400.000.000	76.300.000.000	69.400.000.000	23.300.000.000	23.300.000.000
<i>Ngân hàng TMCP Công thương VN - Chi nhánh Đà Nẵng (ii)</i>	47.251.982.929	47.251.982.929	-	47.251.982.929	-	-
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN - Chi nhánh Quảng Nam (iii)</i>	14.600.000.000	14.600.000.000	60.000.000.000	54.600.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000
<i>Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Quảng Nam (iv)</i>	4.500.000.000	4.500.000.000	77.336.264.000	67.436.264.000	14.400.000.000	14.400.000.000
<i>Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Quảng Nam (v)</i>	3.410.000.000	3.410.000.000	43.300.000.000	28.710.000.000	18.000.000.000	18.000.000.000
<i>Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Quảng Nam (Thấu chi)</i>	-	-	18.964.784.567	18.964.784.567	-	-
<i>Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Quảng Nam</i>	-	-	32.500.000.000	32.500.000.000	-	-

Ghi chú:

- (i) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2015/1786362/HĐTD ngày 19/06/2015 ký với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quảng Nam. Hạn mức cho vay là 50.000.000.000 VND. Thời hạn cấp hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Mục đích vay là để bổ sung vốn lưu động kinh doanh. Lãi suất cho vay được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo từng thời kỳ. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản của bên thứ 3 gồm quyền sử dụng đất đô thị của vợ chồng ông Nguyễn Tiến Lăng và bà Nguyễn Thị Bích Thùy theo hợp đồng thế chấp số 02/2013/HĐ ngày 05/11/2013 và Phụ lục hợp đồng thế chấp số 01/2015/1786362/SĐBS; quyền sử dụng đất đô thị của vợ chồng ông Nguyễn Quang Ấn và bà Nguyễn Thị Hồng Đào theo hợp đồng thế chấp số 01/2014/1786362/HĐBĐ ngày 19/05/2014 và Phụ lục hợp đồng thế chấp số 02/2015/1786362/HĐBĐ ngày 19/06/2015; Xe ô tô các loại, bồn chứa khí gas hóa lỏng các loại theo hợp đồng thế chấp số 02/2014/1786362/HĐBĐ ngày 19/05/2014 và Phụ lục hợp đồng thế chấp số 03/2014/1786362/HĐBĐ ngày 19/06/2015.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Ghi chú (Tiếp theo):

- (ii) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2015-HĐTDHM/NHCT480-PETRO MIEN TRUNG ngày 26/10/2015 ký với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng. Hạn mức cho vay là 30 tỷ đồng. Thời hạn cấp hạn mức là từ ngày 26/10/2015 đến ngày 20/10/2016. Mục đích vay là để bổ sung vốn lưu động kinh doanh. Thời hạn cho vay tối đa không quá 6 tháng đối với từng khoản nợ. Lãi suất cho vay: xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo từng thời kỳ. Khoản vay được đảm bảo bằng các giấy tờ có giá theo hợp đồng thế chấp số 01/2015-HĐCC/NHCT 480-PETRO MIEN TRUNG ngày 23/10/2015.
- (iii) Hợp đồng tín dụng theo hạn mức số 6500H1/14076/NHNT ngày 28/08/2014 ký với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Nam. Hạn mức cho vay là 20 tỷ đồng. Mục đích vay là để bổ sung vốn lưu động kinh doanh. Thời hạn rút vốn là 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực. Thời hạn cho vay là 6 tháng kể từ ngày rút vốn đến ngày bên vay trả xong nợ tính cho từng lần rút vốn. Lãi suất cho vay được quy định theo từng giấy nhận nợ từng lần rút vốn, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Khoản vay được đảm bảo bằng nhà xưởng, công trình gắn liền với đất và dây chuyền máy móc theo hợp đồng thế chấp số 006/2011/VCB.QNA ngày 05/01/2011 và số 007/2011/VCB.Qna ngày 05/01/2011.
- (iv) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 27/2015/HDHM-PN/SHB.120500 ngày 14/01/2015 ký với Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội. Hạn mức cho vay là 25 tỷ đồng. Thời hạn cấp hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Mục đích vay là để bổ sung vốn lưu động kinh doanh và phát hành bảo lãnh thanh toán. Lãi suất cho vay được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo từng thời kỳ. Khoản vay được đảm bảo bằng các quyền sử dụng đất của bên thứ 3 trong hợp đồng thế chấp tài sản số 252/2011/HĐTC-BTB/SHB.Qna ngày 20/05/2011.
- (v) Hợp đồng tín dụng hạn mức số TAK.DN.188.141215 ngày 17/12/2015 ký với Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Quảng Nam. Hạn mức cho vay là 18,4 tỷ đồng. Thời hạn cấp hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Mục đích vay là để bổ sung vốn lưu động kinh doanh. Lãi suất cho vay được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo từng thời kỳ. Khoản vay được đảm bảo bằng bất động sản tại số 351 Phan Châu Trinh, quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng (thuộc quyền sử dụng của vợ chồng ông Nguyễn Tiến Lãng) được xác định giá trị là 19.839.000.000 VND.

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	LNST chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2014	50.000.000.000	1.624.830.706	51.624.830.706
Tăng vốn trong năm	130.000.000.000	-	130.000.000.000
Lãi trong năm	-	679.859.404	679.859.404
Trả lãi chậm trả cho Gas MT	-	(736.095.192)	(736.095.192)
Trả khác tính vào LNST	-	(25.740.800)	(25.740.800)
Tiền phạt thuế	-	(1.252.724.389)	(1.252.724.389)
Số dư tại ngày 01/01/2015	180.000.000.000	290.129.729	180.290.129.729
Lãi trong năm	-	10.258.566.505	10.258.566.505
Số dư tại ngày 31/12/2015	180.000.000.000	10.548.696.234	190.548.696.234

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNGLô 4, KCN Điện Nam - Điện Ngọc, P. Điện Nam Bắc, TX Điện Bàn,
Tỉnh Quảng Nam**Báo cáo tài chính**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31/12/2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)****b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	31/12/2015		01/01/2015	
	VND	%	VND	%
Nguyễn Tiến Lãng	90.000.000.000	50,00%	90.000.000.000	50,00%
Nguyễn Thị Bích Thủy	81.000.000.000	45,00%	81.000.000.000	45,00%
Nguyễn Thị Thanh Trang	9.000.000.000	5,00%	9.000.000.000	5,00%
Tổng cộng	180.000.000.000	100,00%	180.000.000.000	100,00%

c) Tình hình phát hành cổ phiếu

		31/12/2015	01/01/2015
Cổ phiếu phổ thông			
+ Số cổ phiếu được phép phát hành	cổ phiếu	18.000.000	18.000.000
+ Số cổ phiếu đã được phát hành và được góp vốn đầy đủ	cổ phiếu	18.000.000	18.000.000
+ Mệnh giá của cổ phiếu	đồng/ cổ phiếu	10.000	10.000
+ Số cổ phiếu bình quân lưu hành trong năm	cổ phiếu	18.000.000	11.476.712

20. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
a) Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	372.977.414.846	535.015.164.298
Doanh thu bán hàng hóa	368.023.614.973	530.449.977.131
Doanh thu cung cấp dịch vụ	4.953.799.873	4.565.187.167
b) Doanh thu đối với các bên liên quan	156.564.075.633	327.014.707.895
CTY TNHH SCT Gas Việt Nam	113.939.421.080	265.533.390.953
CN Bình Định	-	25.093.343.094
CN Quảng Trị	-	36.387.973.848
Công ty CP dầu khí Vgas	42.624.654.553	-
Các khoản giảm trừ doanh thu	5.655.882.036	3.849.600.000
- Chiết khấu thương mại;	5.655.882.036	3.849.600.000
- Giảm giá hàng bán;		
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	367.321.532.810	531.165.564.298

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Giá vốn hàng bán	328.035.866.545	513.069.877.229
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	1.507.483.057	1.732.735.134
Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	652.758.651	-
Cộng	330.196.108.253	514.802.612.363

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

22. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.986.825.279	2.782.507.658
Chi phí nhân công	3.902.180.405	654.895.883
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.538.839.297	3.015.759.506
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.341.920.303	7.287.256.705
Chi phí bằng tiền khác	8.839.378.024	2.003.864.811
Cộng	26.609.143.308	15.744.284.563

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	2.038.996.451	55.442.164
Cộng	2.038.996.451	55.442.164

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lãi tiền vay Ngân hàng	6.096.049.189	5.120.840.722
Lãi vay cá nhân	-	3.847.232.877
Lãi trả chậm Gas miền Trung	-	4.090.345.541
Dự phòng đầu tư dài hạn	1.198.684.026	-
Cộng	7.294.733.215	13.058.419.140

25. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên quản lý	2.206.770.239	1.773.707.658
Chi phí vật liệu quản lý	356.158.060	12.533.133
Chi phí khấu hao TSCĐ	455.152.739	577.805.708
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.577.373.602	1.734.554.156
Chi phí QL bằng tiền khác	118.395.049	442.982.979
Cộng	4.713.849.689	4.541.583.634
b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên	726.661.280	441.850.000
Chi phí sử dụng vỏ bình, thương hiệu	8.063.534.849	764.455.453
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.609.787.622	2.004.163.026
Chi phí sử dụng CCDC	196.681.499	288.805.728
Chi phí dịch vụ mua ngoài	867.319.280	48.211.200
Chi phí vận chuyển	4.803.831.320	5.425.879.004
Các khoản chi phí bán hàng khác	669.261.231	507.620.651
Cộng	16.937.077.081	9.480.985.062

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

26. LỢI NHUẬN KHÁC

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Thu nhập khác	1.580.551.188	11.796.261.376
Tiền phạt SCT	-	10.936.032.043
Thu nhập vô	1.578.478.966	858.359.333
Các khoản khác	2.072.222	1.870.000
Chi phí khác	53.240.892	258.096.396
Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ	17.171.719	238.636.371
Chi phí khác	36.069.173	19.460.025
Lợi nhuận khác	1.527.310.296	11.538.164.980

27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện tại		
Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	11.746.071.319	875.571.243
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	36.069.173	14.028.025
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	36.069.173	14.028.025
Thu nhập chịu thuế	11.782.140.492	889.599.268
Thu nhập chịu thuế hưởng thuế suất ưu đãi	9.204.717.451	-
Thu nhập chịu thuế hưởng thuế suất thông thường	2.577.423.041	889.599.268
Thuế suất ưu đãi	20%	20%
Thuế suất thông thường	22%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.407.976.559	195.711.839
Miễn giảm	(920.471.745)	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	1.487.504.814	195.711.839

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015, Công ty đã xác định thuế thu nhập doanh nghiệp trên cơ sở đánh giá lợi nhuận kế toán không có sự khác biệt đáng kể so với lợi nhuận cho mục đích tính thuế thu nhập doanh nghiệp, ngoài khoản 36.069.173 VND nói trên. Tuy nhiên, việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

28. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 chưa được kiểm toán.

Như trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 đã được phân loại lại/trình bày lại theo hướng dẫn của Thông tư 200 để phù hợp với việc so sánh.

Hồ Thị Như Quỳnh
Người lập
Quảng Nam, ngày 07 tháng 11 năm 2016

Nguyễn Thị Linh Thường
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Bích Thùy
Tổng Giám đốc